

Số: 03/2018/QĐST – DS

Quảng Bình, ngày 02 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp:
Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý 01/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc yêu cầu tuyên bố một người đã chết, theo Quyết định mở phiên họp số: 1188/2018/QĐPH-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979 và cụ Hồ Thị K, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, tại phiên họp bà Th và cụ K có mặt

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Anh Lê Tiến Nh, chị Lê Thị Thùy L, chị Lê Thị Th, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, tại phiên họp anh Nh, chị L, chị Th đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và tại phiên họp bà Nguyễn Thị Th, cụ Hồ Thị K trình bày: Ngày 05 tháng 5 năm 2014, ông Lê Nhất V (ông V là chồng bà Th, là con cụ K) và Công ty cổ phần xuất khẩu lao động, thương mại và du lịch, địa chỉ: số A, phố Trần Nhân Tông, quận C, thành phố Hà Nội ký Hợp đồng số 69/05/14/TVBG -TTLC về việc đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài trên tàu cá gần bờ Hàn Quốc. Sau một thời gian ông V làm việc tại Hàn Quốc, ngày 29 tháng 02 năm 2016 gia đình cụ K, bà Th nhận được thông báo của Công ty cổ phần xuất khẩu lao động, thương mại và du lịch thông báo tàu B Dong KyeongHo Hàn Quốc bị chìm và ông Lê Nhất V bị mất tích khi đang làm việc trên tàu 201 Dong KyeongHo Hàn Quốc. Từ đó đến nay gia đình không thông tin gì về ông Lê Nhất V. Vì vậy bà Th, cụ K yêu cầu Tòa án tuyên bố ông

Lê Nhất V, sinh ngày 05/02/1976, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, nơi cư trú cuối cùng trước khi bị yêu cầu tuyên bố chết: Làm việc trên tàu B Dong KyeongHo Hàn Quốc đã chết từ ngày 29/02/2016.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Tiến Nh, chị Lê Thị Thùy L và chị Lê Thị Th trình bày: Bố của các anh chị là ông Lê Nhất V đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc, ngày 29/02/2016 gia đình nhận được thông báo của Công ty cổ phần xuất khẩu lao động, thương mại và du lịch về việc tàu B Dong KyeongHo Hàn Quốc bị chìm ngày 29/02/2016 và ông Lê Nhất V bị mất tích khi làm việc trên tàu B Dong KyeongHo Hàn Quốc, từ đó đến nay không có tin tức gì của ông V, vì vậy các anh chị yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Nhất V đã chết từ ngày 29/02/2016.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu: Quá trình thụ lý giải quyết vụ việc người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về dân sự. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Th, cụ Hồ Thị K có đơn yêu cầu và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý việc dân sự về việc “Tuyên bố ông Lê Nhất V là đã chết” là có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng điểm c khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự, khoản 4 Điều 27, Điều 362, 369, 391, 393, 470, 476 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th, cụ Hồ Thị K và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ việc. Đồng thời căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án để miễn lệ phí giải quyết vụ việc cho bà Nguyễn Thị Th, cụ Hồ Thị K do bà Thúy thuộc diện hộ nghèo, cụ Hồ Thị K là đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị Th và cụ Hồ Thị K yêu cầu tuyên bố ông Lê Nhất V đi lao động tại Hàn Quốc đã chết nên đây là vụ việc có yếu tố nước ngoài, căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Ngày 05/5/2014, ông Lê Nhất V và Công ty cổ phần xuất khẩu lao động, thương mại và du lịch ký Hợp đồng số 69/05/14/TVBG-TTLC hợp đồng đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài trên tàu cá gần bờ Hàn Quốc. Tại Biên bản ngày 03 tháng 9 năm 2016 của Trưởng ban quản lý an toàn hải dương

Pohang Hàn Quốc về việc xác nhận tai nạn trên tàu biển, theo biên bản trên thì ngày 28/02/2016 tàu B Dong KyeongHo Hàn Quốc khởi hành từ cảng Chuksan, Yeongdeok Hàn Quốc sau đó thì gặp nạn, ngày 29 tháng 02 năm 2016 xác định được vị trí tàu chìm, ngày 03/3/2016 xác định tàu B Dong KyeongHo Hàn Quốc bị lật cách cảng Homigot Nam – gu Pohang 61 dặm về phía đông và trên tàu có 07 người bị mất tích, ngày 03/3/2016 tìm được 01 thi thể thuyền trưởng, ngày 03/6/2016 tìm được thêm 01 thi thể nhưng không có thuyền viên Lê Nhất V nên đã xác định ông Lê Nhất V bị mất tích; tại Biên bản thanh lý hợp đồng giữa Công ty cổ phần xuất khẩu lao động, thương mại và du lịch và bà Nguyễn Thị Th là bên bảo lãnh đề ngày 14/6/2016 thì lý do thanh lý hợp đồng là do thuyền viên Lê Nhất V bị mất tích khi tàu bị chìm ngày 29/02/2016. Sau khi thụ lý, ngày 07/6/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 509/TB-TA gửi Ban đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) về việc đăng tin thông báo tìm kiếm người mất tích đối với ông Lê Nhất V trên VOV5 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, ngày 20/6/2018 Ban đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã thông báo đối với ông Lê Nhất V nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông V còn sống hay đã chết. Từ những phân tích trên, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 71 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th, cụ Hồ Thị K và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề tuyên bố ông Lê Nhất V đã chết từ ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Đối với việc quản lý tài sản của người bị yêu cầu tuyên bố chết, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Tòa án không xem xét

[3] Bà Nguyễn Thị Th thuộc diện hộ cận nghèo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B; cụ Hồ Thị K là người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án miễn toàn bộ lệ phí cho bà Nguyễn Thị Th và cụ Hồ Thị K.

[4] Các đương sự không có quyền kháng cáo quyết định này theo quy định tại Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 372, Điều 393 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 71 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố ông Lê Nhất V đã chết của bà Nguyễn Thị Th và cụ Hồ Thị K.

2. Tuyên bố ông Lê Nhất V đã chết từ ngày 29 tháng 02 năm 2016.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Th và cụ Hồ Thị K không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, bà Th, cụ K được nhận lại số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004999 ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trọng hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp⁽²⁷⁾:

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.

(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐDS-.....⁽²⁾
Ngày:.....-.....-.....⁽³⁾
V/v: ⁽⁴⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) - Thẩm phán
Thẩm phán: Ông (Bà)⁽⁵⁾
Thẩm phán: Ông (Bà)⁽⁶⁾
Thư ký phiên họp: Ông (Bà)..... - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân⁽⁷⁾
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾ tham gia phiên họp:
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.
Trong ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại.....⁽¹⁰⁾ mở phiên họp sơ thẩm công
khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾ ngày..... tháng.....
năm..... về yêu cầu⁽¹²⁾ theo Quyết định mở phiên họp
số:...../...../QĐPH-.....⁽¹³⁾ ngày..... tháng..... năm.....
1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁴⁾
Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁵⁾
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁶⁾
2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:.....⁽¹⁷⁾
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁸⁾
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁹⁾
4. Người làm chứng:⁽²⁰⁾
5. Người phiên dịch:⁽²¹⁾
6. Người giám định:⁽²²⁾
7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:⁽²³⁾
-
-
-

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên
họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án⁽²⁴⁾ nhận định:⁽²⁵⁾
-

-
-

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:⁽²⁶⁾

.....

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp⁽²⁷⁾:

.....

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²⁸⁾

.....

.....

(29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

(1) Ghi tên Tòa án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

(2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐDS-ST”, nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐDS-PT”.

(3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.

(4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: “Tuyên bố một người mất tích”, “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”,...

(5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.

(7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự

(8) Ghi tên Viện kiểm sát.

(9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.

(10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).

(11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).

(12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tuyên bố một người mất tích”).

(13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐPH-ST”, nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐPH-PT”.

(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).

(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.

(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.

(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Về việc giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Ngọc Đ gửi đơn yêu cầu và
Tòa

án nhân dân huyện An Minh thụ lý việc dân sự về việc “Tuyên bố một
người mất

tích” là có căn cứ và đúng với quy định tại Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh

Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú cuối cùng: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh

Kiên Giang biệt tích từ ngày 06/01/2012 đến nay không có tin tức gì, mặc dù đã áp

dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng

dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh Đ còn sống hay đã chết.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị Đ, tuyên bố anh Đ

mất tích theo quy định tại Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân

dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nhận định:

- Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Huỳnh Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2006

và được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Cuộc sống

vợ chồng chỉ thật sự hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên thường

xuyên cãi vã và cho đến cuối năm 2007 vợ chồng đã thật sự ly thân nhau.

Sau khi ly thân, anh Đ vẫn còn sinh sống ở địa phương cho đến ngày

06/01/2012 thì bỏ địa phương đi đến nay không một lần quay về và cũng không ai

biết anh Đ đang làm ăn, sinh sống ở đâu. Đến ngày 22/3/2016 chị Đ có đơn yêu

cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Huỳnh Văn Đ và

đã được Tòa án chấp nhận yêu cầu này của chị. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo tìm kiếm theo quy định nhưng vẫn không có tin tức của anh

Huỳnh Văn Đ.

- Và thực tế chứng minh anh Huỳnh Văn Đ đã bỏ địa phương đi biệt tích từ

ngày 06/01/2012 đến nay không một lần quay về địa phương (có xác nhận của

chính quyền địa phương tại bút lục số 03) và cũng phù hợp với các các chứng cứ

thu thập được có trong hồ sơ vụ án (bút lục số 19, 20).

- Từ những căn cứ trên, thấy rằng anh Huỳnh Văn Đ đã bỏ địa phương đi không để lại tin tức, chị Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện việc tìm kiếm theo quy định

của pháp luật nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu

của chị Đ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh

Kiên Giang tuyên bố mất tích đối với anh Huỳnh Văn Đ. Đối với phần quản lý tài

sản, chị Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu nên không xem xét.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 388, Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều

37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của chị Nguyễn Ngọc Đ.

2. Tuyên bố anh Huỳnh Văn Đ mất tích kể từ ngày quyết định này có hiệu lực

pháp luật.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu lệ

phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ

phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000160 ngày 16 tháng 01 năm 2017

và số 0000171 ngày 25/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh;

chị Đ đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Ngọc Đ có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10

ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.